

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN BÀN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 16/02/2022.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BÀN, TỈNH LÀO CAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Triệu Vĩnh Thái.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đàm Sông Hương và bà Vũ Thị Vẻ.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Nông Thị Mới - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 114/2021/TLST-HNGĐ ngày 06/10/2021 về việc “ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2022/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1987. Nơi ĐKKHKT: Thôn Bô, xã K, huyện V, tỉnh L - Vắng mặt có lý do.

- Bị đơn: Anh Hà Văn T, sinh năm 1985. Nơi ĐKKHKT: Thôn P, xã K, huyện V tỉnh L - Vắng mặt không lý do.

- Người làm chứng: Ông Hà Văn C. Địa chỉ: Thôn P, xã K, huyện V, tỉnh L - Vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Tôi có tự nguyện đăng ký kết hôn với anh Hà Văn T vào ngày 07/7/2009 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện V, tỉnh L. Thời gian đầu chúng tôi chung sống hạnh phúc nhưng sau đó anh T rượu chè nhiều, dẫn đến không quan tâm đến vợ con, nhiều lần say rượu đã đuổi hai mẹ con tôi ra khỏi nhà. Vào Tháng 02/2016 anh T có uống rượu và đi xe bị tai nạn giao thông, sau đó anh hồi phục sức khỏe và sau đó anh lại càng uống rượu nhiều hơn, nhiều lần chửi mắng và đuổi tôi ra khỏi nhà. Đến ngày 06/01/2017 anh T uống rượu say và cầm dao đuổi đánh tôi,

từ đó tôi không chịu đựng được nữa nên quyết định sống ly thân, tôi bỏ về nhà bố mẹ tôi ở Thôn B, xã K, huyện V, tỉnh L sinh sống. Trong thời gian sống ly thân, anh T nhiều lần đến nhà bố mẹ tôi gây sự, tôi đã trình báo công an xã K 02 lần. Nay tôi nhận thấy anh T vẫn không thay đổi. Vì vậy, tôi làm đơn này đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Hà Văn T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chúng tôi có 01 người con chung là cháu Hà Tuấn Đ, sinh ngày 07/9/2009. Hiện nay cháu đang sống cùng tôi. Nay ly hôn tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hà Tuấn Đ cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Tôi không yêu cầu anh Hà Văn T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu Hà Tuấn Đ cùng tôi.

Về tài sản chung: Chúng tôi thỏa thuận tự phân chia tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về vay nợ: Trong thời gian chung sống chúng tôi không vay nợ ai và không cho ai vay nợ gì nên không đề cập Tòa án giải quyết.

2. Đối với bị đơn anh Hà Văn T:

Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập; thông báo yêu cầu bổ sung tài liệu, chứng cứ; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Nhưng bị đơn cố tình từ chối nhận văn bản tố tụng, không có ý kiến về yêu cầu của nguyên đơn vì vậy Tòa án đã lập biên bản về việc người được tổng đạt từ chối nhận văn bản tố tụng theo khoản 4 Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do vậy, hồ sơ vụ án không có ý kiến của anh Hà Văn T.

Ủy ban nhân dân xã K, Công an xã K và trưởng thôn P xác định: Về quan hệ hôn nhân, con chung và mâu thuẫn vợ chồng như lời trình bày của chị Nguyễn Thị H là đúng.

Ngày 01/12/2021, Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đối với nguyên đơn chị Nguyễn Thị H, anh Hà Văn T vắng mặt không có lý do. Chị Nguyễn Thị H có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn mở phiên tòa để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên Tòa:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

- Bị đơn anh Hà Văn T vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 238 và Khoản 4 Điều 147; Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/

UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án đề nghị giải quyết theo hướng:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Hà Văn T.

- Về quan hệ con chung: Giao cháu Hà Tuấn Đ, sinh ngày 07/9/2009 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi, anh Hà Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên; căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về Tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện và các chứng cứ kèm theo chị Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Hà Văn T, sinh năm 1985. Nơi ĐKKHTT: Thôn P, xã K, huyện V, tỉnh L. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai và quan hệ pháp luật là “Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn”.

[1.2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Bị đơn anh Hà Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; người làm chứng vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về hôn nhân: Theo lời khai của Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H, người làm chứng, kết quả xác minh tại UBND, công an xã K có đủ căn cứ xác định:

Chị Nguyễn Thị H và anh Hà Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 07/7/2009 tại UBND xã K, huyện V, tỉnh L, hôn nhân là hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó anh T uống rượu nhiều, dẫn đến không quan tâm đến vợ con. Từ đầu năm 2016 anh T uống rượu nhiều hơn và nhiều lần chửi mắng và đuổi vợ con ra khỏi nhà. Đến ngày 06/01/2017, chị H đưa con trai là cháu Hà Tuấn Đ về nhà bố mẹ đẻ ở Thôn B, xã K, huyện V, tỉnh L sinh sống. Trong thời gian sống ly thân, anh T nhiều lần đến nhà bố mẹ chị H gây sự, Chị đã trình báo công an xã K 02 lần.

Đối với bị đơn anh Hà Văn T: Quá trình giải quyết vụ án, anh T từ chối nhận văn bản tố tụng của Tòa án, từ chối cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do vậy, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do phía Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H, lời khai của người làm chứng; xác minh tại chính quyền địa phương để giải quyết vụ án.

Từ những phân tích trên có đủ căn cứ xác định vợ chồng chị Nguyễn Thị H, anh Hà Văn T trong thời gian chung sống có nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi chửi nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung trong hôn nhân, thời gian sống ly thân đã nhiều năm, tình cảm phai nhạt, cuộc hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị H về việc ly hôn anh Hà Văn T.

[3] Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Hà Văn T có 01 con chung là cháu Hà Tuấn Đ, sinh ngày 07/9/2009, chị Nguyễn Thị H có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu. Xét thấy, chị Hạnh là giáo viên, có mức thu nhập khoảng 5.000.000đ đ/tháng. Bản thân cháu Hà Tuấn Đ hiện đang sống cùng chị H và cháu có nguyện vọng được sống với chị. Đối với anh Hà Văn T thuộc diện hộ nghèo của xã, thu nhập dưới 1.500.000đ/tháng.

Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, cần giao cháu Hà Tuấn Đ cho chị Nguyễn Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp.

[4] Về tài sản chung, vay nợ: Các đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không giải quyết là phù hợp.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Khoản 4 Điều 147; Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H:
 - Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Hà Văn T.
 - Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hà Tuấn Đ, sinh ngày 07/9/2009 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Hà Văn T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Hà Tuấn Đ.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004191 ngày 06/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Hà Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Sở tư pháp;
- UBND xã K;
- Chi cục THADS;
- Các đương sự;
- Lưu HS, LĐ, TP, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Triệu Vĩnh Thái